

Họ và tên:

Lớp:

ÔN TẬP MÔN TIẾNG VIỆT

LỚP 5 - TUẦN 24

I. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài 1. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ “an ninh”? Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

- a) Yên ổn hẳn, tránh được tai nạn, tránh được thiệt hại.
- b) Yên ổn về chính trị và trật tự xã hội.
- c) Không có chiến tranh và thiên tai.

Bài 2. Đọc bản hướng dẫn sau và tìm các từ ngữ chỉ những việc làm, những cơ quan, tổ chức và những người có thể giúp em tự bảo vệ khi cha mẹ em không có ở bên.

- a) Để bảo vệ an toàn cho mình, em cần nhớ số điện thoại của cha mẹ và địa chỉ, số điện thoại của ông bà, chú bác, người thân để báo tin.
- b) Nếu bị người khác đe dọa, hành hung hoặc thấy cháy nhà hay bị tai nạn, em cần phải:
 - Khẩn cấp gọi số điện thoại 113 hoặc 114, 115 để báo tin.
 - Kêu lớn để những người xung quanh biết.
 - Nhanh chóng chạy đến nhà hàng xóm, bạn bè, nhà hàng, cửa hiệu, trường học, đồn công an.
- c) Khi đi chơi, đi học, em cần:
 - Đi theo nhóm, tránh chỗ tối, tránh nơi vắng vẻ, để ý nhìn xung quanh.
 - Không mang đồ trang sức hoặc vật đắt tiền.
- d) Khi ở nhà một mình, em phải khóa cửa, không cho người lạ biết em chỉ có một mình và không để người lạ vào nhà.

Theo GIA KÍNH

* Từ ngữ chỉ việc làm để bảo vệ an toàn cho mình:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

* Từ ngữ chỉ cơ quan, tổ chức:

.....

.....

.....

* Từ ngữ chỉ người có thể giúp em:

.....

.....

Bài 3. Gạch chéo để phân cách hai vế câu, gạch dưới cặp từ nối hai vế câu

- a) Ngày chưa tắt hẳn, trăng đã lên rồi.
- b) Chiếc xe ngựa vừa đậu lại, tôi đã nghe tiếng ông từ trong nhà vọng ra.
- c) Trời càng nắng gắt, hoa giấy càng bồng lên rực rỡ.

Bài 4. Điền các cặp từ thích hợp vào mỗi chỗ trống:

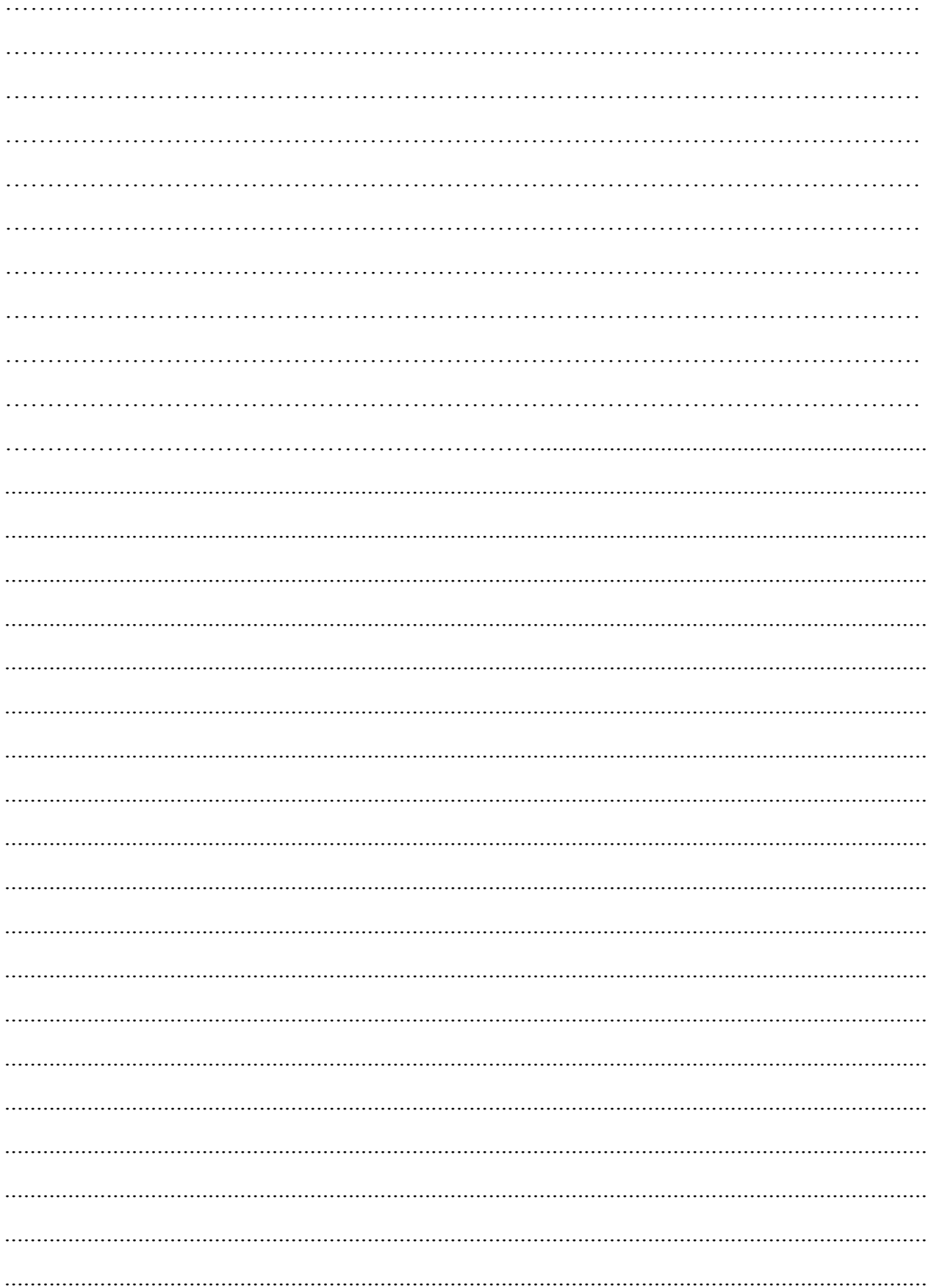
- a) Mưa to, gió thổi mạnh.
- b) Trời hừng sáng, nông dân ra đồng.
- c) Thủy Tinh dâng nước cao Sơn Tinh làm núi cao lên

II. TẬP LÀM VĂN

Lập dàn ý miêu tả một trong các đồ vật sau đây:

- a) Quyển sách Tiếng Việt 5, tập 2.

-
- This image shows a full page of white paper with horizontal blue ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a template for handwriting practice or general writing. There are no margins, text, or other markings on the page.



ĐÁP ÁN

Bài 1. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ “an ninh”? Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

- ☒ b) Yên ổn về chính trị và trật tự xã hội.

Bài 2. * Từ ngữ chỉ việc làm để bảo vệ an toàn cho mình:

- Nhớ số điện thoại của cha mẹ; - Nhớ địa chỉ, số điện thoại của người thân.
- Gọi điện thoại 113 hoặc 114, 115.
- Đi theo nhóm, tránh chỗ tối, tránh nơi vắng vẻ, để ý nhìn xung quanh.
- Kêu lớn để người xung quanh biết; - Chạy đến nhà người quen.
- Không cho người lạ biết em ở nhà một mình; - Không mở cửa cho người lạ.

*** Từ ngữ chỉ cơ quan, tổ chức:**

- Nhà hàng, cửa hiệu, trường học, đồn công an. ;
- 113(công an thường trực chiến đấu)
- 114(công an phòng cháy chữa cháy)
- 115(đội thường trực cấp cứu y tế)

*** Từ ngữ chỉ người có thể giúp em:**

Ông bà, chú bác, người thân, hàng xóm, bạn bè.

Bài 3. Gạch chéo để phân cách hai vế câu, gạch dưới cặp từ nối hai vế câu

- a) Ngày chưa tắt hẳn,/ trăng đã lên rồi.
- b) Chiếc xe ngựa vừa đậu lại,/ tôi đã nghe tiếng ông từ trong nhà vọng ra.
- c) Trời càng nắng gắt,/ hoa giấy càng bông lên rực rỡ.

Bài 4. Điền các cặp từ thích hợp vào mỗi chỗ trống:

- a) Mưa **càng** to, gió **càng** thổi mạnh.
- b) Trời **vừa** hửng sáng, nông dân **đã** ra đồng.

*HS có thể điền: - Trời **mới** hửng sáng, nông dân **đã** ra đồng.

Trời **chưa** hửng sáng, nông dân **đã** ra đồng.

- c) Thủy Tinh dâng nước cao **bao nhiêu** Sơn Tinh làm núi cao lên **bấy nhiêu**.